TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9- 2019
"Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Tú Anh
2. Ông Trần Quang Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa*: Không tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXX- ST, ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1992 nơi cư trú tổ 07, ấp Tân D, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Tạm trú tổ 02, ấp Tân H, xã Tân Q, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1984 nơi cư trú tổ 07, ấp Tân D, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long . (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 17/7/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Năm 2011 chị T và anh Lê Thanh H được mai mối nên quen biết nhau, sau đó được sự chấp thuận của gia đình hai bên chị và anh H tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/2011. Nữ trang cưới gồm có 06 chỉ vàng 24K, anh Lê Thanh H đã lấy bán tiêu xài 03 chỉ vàng 24K , còn lại 03 chỉ vàng 24K khi vợ chồng giận nhau chị T đã bỏ nhà đi và bán tiêu xài nên hiện nay không còn.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại ấp Tân D, xã Tân Th, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm và sinh được 02 con chung tên Lê Kim Y, sinh ngày 13/9/2013 và Lê Phát Đ, sinh ngày 25/11/2017, hiện nay 02 cháu đang sống chung với anh H.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị không tạo lập ra được tài sản chung, không có nợ chung và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng.

Quá trình sống chung vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 nguyên nhân là do chồng chị thường xuyên đi nhậu về đến nhà là kiếm chuyện chửi bới, hâm dọa đòi giết chị và đuổi chị đi khỏi nhà, những lần như vậy chị bỏ về nhà cha mẹ ruột chị sinh sống nhiều lần, vài tháng sau thì anh H có đến nhà cha mẹ chị xin lỗi và rước chị về và hứa sẽ sửa đổi lo làm ăn, lo cho gia đình. Được một thời gian chẳng những chồng chị không thay đổi mà còn tệ hơn, tiền làm được không lo cho gia đình mà tiêu xài cá nhân hết. Thời gian gần đây vào ngày 09/7/2019 chị và chồng chị có gây gỗ với nhau về việc khám bệnh cho con nhưng chuyện không có gì quá đáng nhưng anh H đánh chị, mặc dù được mẹ chồng can ngăn nhưng anh H không dừng lại mà đánh chị bầm tím cả mặt. Chị T không thể sống chung với anh H được nữa nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp Tân H, xã Tân Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai nên chị T quyết định xin ly hôn với anh H.

Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh H.

- Về con chung: Cháu Lê Kim Y, sinh ngày 13/9/2013 và Lê Phát Đ, sinh ngày 25/11/2017. Chị Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Phát Đ, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Đ; cháu Lê Kim Y chị đồng ý để anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi cháu Y. Hiện tại chị làm thuê để sinh sống nhưng vẫn đủ tiền lo cho con nên không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến trình bày của bị đơn anh Lê Thanh H:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung và mâu thuẫn gia đình là đúng nhưng do nóng tính khi cải nhau Tươi thách thức anh đánh T nên anh mới đánh, trong thời gian sống chung vợ chồng cũng cự cải nhiều lần và T cũng đã bỏ về nhà cha mẹ ruột vài lần khoảng 2 đến 3 lần. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn, tùy Tòa án giải quyết có cho T ly hôn anh không. Anh thừa nhận trong việc mâu thuẫn vợ chồng thì anh có lỗi đã đánh T nhưng Tươi cũng có lỗi phần.

- Về con chung: Nếu Tòa án cho anh và chị T ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Kim Y, sinh ngày 13/9/2013 và Lê Phát Đ, sinh ngày 25/11/2017, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Lý do không đồng ý giao cháu Đ cho T nuôi dưỡng là T không có nghề nghiệp ổn định nên không thể nuôi con, hiện nay anh làm nghề nông nhà có 2 công ruộng và khi rảnh có làm thuê thêm để kiếm tiền.

- Về quan hệ tài sản: Tự vợ chồng thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện anh Lê Thanh H. Về hôn nhân chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh H. Về con chung: Lê Kim Y, sinh ngày 13/9/2013 và Lê Phát Đ, sinh ngày 25/11/2017. Chị Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Phát Đ, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Đ; cháu Lê Kim Y chị đồng ý để anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi cháu Y. Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Hiện tại chị đang làm công nhân thu nhập tháng 7 đến 8 triệu đồng.

- Bị đơn anh Hừng: Anh H thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng, nhưng anh còn tình cảm với T nên không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn không lớn. Nếu Tòa án cho anh và chị T ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Kim Y, sinh ngày 13/9/2013 và Lê Phát Đ, sinh ngày 25/11/2017, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Vì con chung anh nuôi dưỡng từ lúc T bỏ nhà đi cháu Đ sống với anh. Hiện anh đang làm thuê ở tiệm cửa nhôm thu nhập ngày 100.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết ly hôn anh Lê Thanh H cư trú tại ấp Tân D, xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm

a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân chị Lê Thị T và anh Lê Thanh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Th, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/11/2011 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của chị Lê Thị T xin ly hôn anh Lê Thanh H hoàn toàn có cơ sở, bởi vì về mâu thuẩn vợ chồng giữa chị T và anh H là trầm trọng, mâu thuẫn xảy ra kéo dài đã lâu, vợ chồng có thời gian sống ly thân, chị T xác định không còn tình cảm với anh H nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Thanh H.

[2.2] Về con chung: Cháu Lê Kim Y, sinh ngày 13/9/2013 và cháu Lê Phát Đ, sinh ngày 25/11/2017 hiện do anh H đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, cháu Y chị T đồng ý giao anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này của chị T là hoàn toàn có cơ sở, bởi vì anh H làm nghề nông, thu nhập không ổn định cho nên nếu giao con chung cho anh H nuôi dưỡng sẽ gặp khó khăn về kinh tế. Mặt khác, căn cứ Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ nuôi dưỡng cho nên yêu cầu được nuôi cháu Đ của chị T là hoàn toàn phù hợp với quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh H, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chị T, anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị T và anh Lê Thanh H không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Chị Lê Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, 81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T đối với anh Lê Thanh H. Cho chị Lê Thị T ly hôn với anh Lê Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Kim Y, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013 cho anh Lê Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Lê Phát Đ, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2017 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng, chị Lê Thị T và anh Lê Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị T và anh Lê Thanh H không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0011068 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy Chị Lê Thị T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND.H Bình Tân;
- Chi cục THADS.H Bình Tân;
- UBND xã Tân Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Diễm